

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/24/HS-ST
Ngày 23-8-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ứng Văn Cường.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Mùa A Hay, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Mùa A N; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21 tháng 01 năm 1993 tại huyện T, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn M, xã B1, huyện T, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Mùa A S (Đã chết) và bà Sùng Thị M (Đã chết); bị cáo có vợ Hằng Thị Mang, sinh năm 1994 và có 03 con, con lớn nhất 10 tuổi, nhỏ nhất 05 tuổi; Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 11/12/2023, Mùa A N bị Hạt kiểm lâm T – Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép, xử phạt 2.000.000đ, đến ngày 12/12/2023, Mùa A N chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nhân thân: Không.

Bị cáo được cho tại ngoại và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người phiên dịch: Ông Thào A Chổng; Sinh năm 1971; Địa chỉ: Bản Văn Ban, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02 giờ ngày 15/4/2024, tổ công tác Công an huyện B phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện B làm nhiệm vụ tại bản C, xã L, huyện B phát hiện Mùa A N đang điều khiển xe máy Win, nhãn hiệu Kitafu, BKS 21K1- 196.68 vận chuyển trái phép 07 thanh gỗ xẻ (*N khai nhận là gỗ Pomu*) không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, tổ công tác đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với Mùa A N về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép và tạm giữ tang vật vật gồm: 07 thanh gỗ xẻ; 01 chiếc xe máy Win, BKS 21K1- 196.68, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Giàng A Lầu và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy.

Cùng ngày, Hạt Kiểm lâm huyện B tiến hành lập bảng kê lâm sản, xác định 04 thanh gỗ xẻ có tổng khối lượng 0,192 m³; 02 thanh gỗ xẻ có tổng khối lượng 0,036 m³; 01 thanh gỗ xẻ có khối lượng 0,009 m³. Tổng khối lượng 07 thanh gỗ xẻ là 0,237 m³.

Ngày 14/5/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định trưng cầu giám định, trưng cầu Chi cục kiểm lâm tỉnh Sơn La để xác định chủng loại, nhóm gỗ 07 thanh gỗ xẻ thu giữ từ Mùa A N.

Ngày 18/6/2024, Chi cục kiểm lâm tỉnh Sơn La có bản kết luận giám định tư pháp số 01-2024/KL/GĐCN, Kết luận:

1. Chủng loại, nhóm gỗ đối với 04 thanh gỗ xẻ (số thứ tự từ 1 đến 4 có kích thước: 1,2m x 40,0 cm x 10 cm = 0,192 mét khối); Loại gỗ: Pơ mu, tên thường gọi: Pơ Mu; Tên khoa học: *Fokienia hodginsii*; Nhóm gỗ thuộc IIA (thuộc đối tượng nguy cấp quý hiếm).

2. Chủng loại, nhóm gỗ đối với 02 thanh gỗ xẻ (số thứ tự từ 5 đến 6 kích thước: 0,9m x 20,0 cm x 10 cm = 0,036 mét khối); Loại gỗ: Pơ mu; tên thường gọi: Pơ Mu; Tên khoa học: *Fokienia hodginsii*; Nhóm gỗ thuộc IIA (thuộc đối tượng nguy cấp quý hiếm).

3. Chủng loại, nhóm gỗ đối với 01 thanh gỗ xẻ (số thứ tự từ 7 kích thước: 0,9m x 10,0 cm x 10,0 cm = 0,009 mét khối); Loại gỗ: Pơ mu; tên thường gọi: Pơ Mu; tên khoa học: *Fokienia hodginsii*; Nhóm gỗ thuộc IIA (thuộc đối tượng nguy cấp quý hiếm).

Qua xác minh xác định được ngày 11/12/2023, Mùa A N bị Hạt Kiểm lâm T – Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0000274/QĐ-XPHC về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái pháp luật” với hình thức phạt tiền, mức phạt 2.000.000đ. Xét thấy Mùa A N đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đến thời điểm vi phạm lần này chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Xét thấy hành vi của Mùa A N có dấu hiệu vụ án hình sự, ngày 16/5/2024 Công an huyện B đã chuyển hồ sơ đến cơ quan CSĐT Công an huyện B để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Mùa A N khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 14/4/2024, Mùa A N điều khiển xe máy Win, BKS 21K1-196.68 từ nhà tại thôn M, xã B1, huyện T, tỉnh Yên Bái đi bản Làng Sáng, xã Háng Đồng, huyện B, tỉnh Sơn La tìm mua gỗ Pơ mu về bán kiếm lợi nhuận. Đến 20 giờ cùng ngày N đi đến bản Làng Sáng, xã Háng Đồng, huyện B, gặp 01 người đàn ông không quen biết đang đứng cạnh đường, N đến hỏi người đàn ông có gỗ bán không, người đàn ông nói có và dẫn N đi xuống tà luy âm một đoạn khoảng 05 mét nơi cất giấu 07 thanh gỗ Pơmu. Qua trao đổi, N thống nhất mua 07 thanh gỗ Pơmu với người đàn ông đó giá 1.100.000 đồng. Mua bán gỗ xong, người đàn ông đi về hướng bản Làng Sáng, xã Háng Đồng, còn N tự mình bê 07 thanh gỗ lên xe máy buộc chặt chở về nhà, khi đi đến địa phận “Đỉnh gió” thuộc bản C, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La thì bị tổ công tác Công an huyện B và Hạt kiểm lâm huyện B phát hiện bắt giữ, lập biên bản vi phạm hành chính, thu giữ, tạm giữ tang vật.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSBY ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, truy tố bị cáo Mùa A N phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm m khoản 1, Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Mùa A N mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 07 thanh gỗ Pơ mu có tổng khối lượng 0,237 m³; 01 chiếc xe máy Win, nhãn hiệu Kitafu, số loại 110X1, màu đen, BKS 21K1- 196.68, xe cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Giàng A Lầu và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến của bị cáo Mùa A N tự bào chữa: Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là sai, mong hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; vật chứng đã thu giữ; kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 11/12/2023, Mùa A N bị Hạt Kiểm lâm T – Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0000274/QĐ-XPHC về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái pháp luật” với hình thức phạt tiền, mức phạt 2.000.000đ. Nhưng Mùa A N không lấy đó làm bài học mà đến ngày 15/4/2024 Mùa A N lại tiếp tục thực hiện hành vi mua và vận chuyển 07 thanh gỗ xẻ (Pơ mu), có khối lượng 0,237 m³, bị Tổ công tác Công an huyện B phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện B phát hiện kiểm tra, Mùa A N không xuất trình được giấy phép, giấy tờ về nguồn gốc, dấu búa nên hành vi vận chuyển gỗ là trái phép. Tuy khối lượng gỗ vận chuyển không lớn (dưới mức tối thiểu) nhưng hành vi phạm tội của Mùa A N thực hiện trong thời gian chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính (theo quy định tại khoản 1 điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính). Hành vi của bị cáo Mùa A N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự có mức phạt: phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản là có căn cứ. Tòa án huyện B đưa ra xét xử bị cáo Mùa A N về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mà bị cáo đã thực hiện

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo Mùa A N: Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến

chế độ quản lý của Nhà nước về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương và ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi, nhưng bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm với động cơ mục đích cá nhân.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Về nhân thân bị cáo không có tiền án, có 01 tiền sự là tình tiết định tội đối với bị cáo trong vụ án này

[5] Về hình phạt: Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là không cần thiết mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, giúp bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà ăn năn, hối cải, sửa chữa sai phạm của mình, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 36 Bộ luật hình sự, giao bị cáo về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo cũng có thể trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, ngoài thu nhập từ nghề trồng trọt ra bị cáo không có nguồn thu nhập nào khác nên không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 4 Điều 232 quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*. Xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo cho thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo. Vì vậy Tòa cần xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 07 thanh gỗ Pơ mu có tổng khối lượng 0,237 m³ là tài sản bị cáo vận chuyển trái phép, Tòa cần xem xét tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe máy Win, nhãn hiệu Kitafu, số loại 110X1, màu đen, BKS 21K1- 196.68, xe cũ đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Giàng A Lầu; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy. Quá trình điều tra xác định khoảng tháng 01 năm 2024, Mùa A N đã mua lại chiếc xe máy với người đàn ông thu mua sắt vụn không quen biết với giá 700.000 đồng để sử dụng phục vụ sinh hoạt gia đình, đến nay N chưa thực hiện việc sang tên, đổi chủ chiếc xe máy. Mùa A N đã sử dụng chiếc xe làm phương tiện vận chuyển trái phép lâm sản nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với người đàn ông bán trái phép 07 thanh gỗ xẻ Pơ mu cho Mùa A N, do không xác định được tên, tuổi, nơi cư trú nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này

[10] Về án phí: Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì bị cáo Mùa A N là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã B1, huyện T, tỉnh Yên Bái là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Gia đình bị cáo Mùa A N là hộ cận nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm m khoản 1 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Mùa A N phạm Tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Xử phạt bị Mùa A N 12 (Mười hai) tháng tạm giam không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tạm giam không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Giao bị cáo Mùa A N cho UBND xã B1, huyện T, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt tạm giam không giam giữ.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 07 thanh gỗ Pơ mu có tổng khối lượng 0,237 m³; 01 chiếc xe máy Win, nhãn hiệu Kitafu, số loại 110X1, màu đen, BKS 21K1-196.68, xe cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Giàng A Lầu và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô, xe máy.

(Chi tiết theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản của vụ án ngày 05/8/2024, giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

3. Về Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Mùa A N.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/8/2024).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ứng Văn Cường

Ứng Văn Cường

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B1;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Ứng Văn Cường